TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2018/DS-ST
Ngày: 28/02/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Quân

2/ Ông Trần Hoàng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/TLST-DS ngày 01/12/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV

Địa chỉ: Đường LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV là ông Bành Quốc H, sinh năm 1991, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017)

Địa chỉ: Đường L, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đào Mỹ D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 08/6/2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV (sau đây gọi là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Mỹ D trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi là 21.601.000 đồng (trong đó vốn vay là 15.065.034 đồng và lãi là 6.535.966 đồng), vì vào ngày 02/12/2013 bà Dcó ký kết hợp đồng tín dụng số 20131217 – 104007 – 0041 với Ngân hàng vay số tiền 26.250.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà D có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 26.250.000 đồng và lãi là 22.830.000 đồng, tổng cộng 49.080.000 đồng và trả chậm liên tiếp trong 36 tháng, thanh toán vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.341.000 đồng, tháng cuối trả 2.145.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/02/2014 đến 01/01/2017 là dứt nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã nhận đủ số tiền và có trả cho Ngân hàng

được 16 lần với số tiền 27.479.000 đồng (gốc 11.184.966 đồng và lãi 16.294.034 đồng), còn nợ lại 21.601.000 đồng (trong đó vốn gốc là 15.065.034 đồng và lãi là 6.535.966 đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đào Mỹ D, nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Đào Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131217 – 104007– 0041 bà D có vay của Ngân hàng số tiền 26.250.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà D có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 26.250.000 đồng và lãi là 22.830.000 đồng, tổng cộng 49.080.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong 36 tháng, thanh toán vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.341.000 đồng, tháng cuối trả 2.145.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/02/2014 đến 01/01/2017 là dứt nợ. Bà D đã nhận đủ số tiền, trong quá trình thực hiện hợp đồng có trả cho Ngân hàng được 16 lần với số tiền 27.479.000 đồng (gốc 11.184.966 đồng và lãi 16.294.034 đồng) thì ngưng, không tiếp tục trả cho Ngân hàng theo thỏa thuận, hiện còn nợ lại 21.601.000 đồng (trong đó vốn gốc là 15.065.034 đồng và lãi là 6.535.966 đồng).

Xét thấy, việc bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 2 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà D vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật nên Ngân hàng kiện đòi bà D trả lại số tiền nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D, có nội dung Ngân hàng khởi kiện đòi bà D trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà D có vay tiền của Ngân hàng, hiện còn nợ số tiền 21.601.000 đồng, nên Ngân hàng yêu cầu bà D trả số tiền nên trên là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề

nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ Ngân hàng TMCP Việt Nam TV có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà D còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Đào Mỹ D phải chịu 1.080.050 đồng án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV. Buộc bị đơn bà Đào Mỹ D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 15.065.034 đồng và lãi 6.535.966 đồng, tổng cộng 21.601.000 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm lẻ một ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đào Mỹ D còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Mỹ D phải chịu 1.080.050 đồng (Một triệu không trăm tám mươi ngàn không trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 540.825 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006406, ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV &THA)
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh